

Số: 14 /QĐ-TTTH

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh đủ điều kiện
cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản
Khóa thi ngày 27/02/2022

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TIN HỌC

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐDH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà

Nẵng về việc thành lập Trung tâm Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHSP ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản;

Căn cứ kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 27/02/2022;

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-ĐHSP ngày 10/03/2022 về việc phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 27/02/2022;

Theo đề nghị của Hội đồng thi kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 27/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 269 (hai trăm sáu mươi chín) thí sinh đủ điều kiện cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 27/02/2022 tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, TTTH.

GIÁM ĐỐC



TS. Đặng Hùng Vĩ





DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHOA THI NGÀY 27/02/2022 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

*(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-TTTH ngày 10 tháng 03 năm 2022
của Giám đốc Trung tâm Tin học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
1	CB0001	Võ Thị Ái	17-02-2000	Quảng Nam	9.00	10.00	Đạt	1
2	CB0002	Binla Vanh Aliya	16-06-1998	Lào	7.00	5.00	Đạt	1
3	CB0005	Nguyễn Song An	01-04-1999	Quảng Nam	5.00	6.67	Đạt	1
4	CB0006	Nguyễn Thị Thủy Anh	29-10-2000	Quảng Bình	7.00	7.67	Đạt	1
5	CB0007	Trần Thị Vân Anh	28-08-2001	Hà Tĩnh	5.00	7.00	Đạt	1
6	CB0008	Trần Thị Kiều Anh	27-09-2000	Quảng Nam	7.00	9.00	Đạt	1
7	CB0009	Lê Tú Anh	06-08-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	7.00	Đạt	1
8	CB0011	Lê Thị Lan Anh	07-06-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	7.33	Đạt	1
9	CB0012	Lê Thị Ngọc Anh	27-07-2000	Quảng Trị	10.00	8.33	Đạt	1
10	CB0013	Cao Thị Ngọc Anh	12-07-2001	Đắk Lắk	9.00	8.33	Đạt	1
11	CB0014	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	28-10-2001	TP. Đà Nẵng	10.00	9.67	Đạt	1
12	CB0016	H' On Ly Ayün	12-07-2000	Đắk Lắk	9.00	8.67	Đạt	1
13	CB0017	Lê Nguyễn Gia Bảo	26-12-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	6.33	Đạt	1
14	CB0018	Nguyễn Thị Thanh Bình	04-02-1999	Bình Định	5.00	6.00	Đạt	1
15	CB0019	Lê Văn Có	30-03-2000	Quảng Ngãi	8.00	8.33	Đạt	1
16	CB0020	Trần Văn Cường	18-04-1999	Quảng Nam	7.00	7.67	Đạt	1
17	CB0021	Lê Hoàng Châm	19-08-2000	Kon Tum	8.50	7.33	Đạt	1
18	CB0022	Hoàng Ngọc Diệu Châu	28-09-2000	TP. Đà Nẵng	10.00	8.67	Đạt	1
19	CB0023	Nguyễn Ngọc Trân Châu	23-12-2001	Khánh Hòa	5.00	7.00	Đạt	2
20	CB0024	Trần Thị Thiên Chi	03-10-2000	Gia Lai	8.00	7.00	Đạt	2
21	CB0025	Đinh Trần Linh Chi	05-09-2001	Hà Tĩnh	8.00	7.33	Đạt	2
22	CB0027	Đỗ Đình Dân	23-11-2000	Bình Định	8.00	8.33	Đạt	2
23	CB0028	Hô Thị Thúy Diễm	01-07-2001	TP. Đà Nẵng	5.00	7.00	Đạt	2
24	CB0030	Trần Thị Doan	11-09-2001	Quảng Bình	9.00	7.33	Đạt	2
25	CB0031	Nguyễn Thị Thùy Dung	22-04-1999	Quảng Bình	7.50	7.67	Đạt	2
26	CB0032	Ông Thị Thùy Dung	09-05-2001	TP. Đà Nẵng	10.00	9.67	Đạt	2
27	CB0033	Nguyễn Thị Thanh Dung	31-12-2000	Quảng Nam	10.00	7.33	Đạt	2
28	CB0034	Nguyễn Thị Phương Dung	16-10-1999	Quảng Nam	5.00	8.67	Đạt	2
29	CB0035	Nguyễn Văn Dũng	10-03-2000	Quảng Nam	8.00	6.67	Đạt	2
30	CB0036	Đặng Tôn Duy	06-05-1999	Quảng Ngãi	5.00	7.67	Đạt	2
31	CB0037	Nguyễn Ngô Phương Duyên	07-04-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	7.00	Đạt	2
32	CB0038	Đinh Lê Thảo Duyên	01-03-2000	Lâm Đồng	9.00	9.67	Đạt	2
33	CB0040	Lê Thị Mỹ Duyên	01-11-2000	Hà Tĩnh	7.00	5.67	Đạt	2
34	CB0041	Phan Thị Mai Duyên	19-10-2001	Kon Tum	7.00	7.33	Đạt	2
35	CB0042	Trần Thị Mỹ Duyên	01-01-2001	TP. Đà Nẵng	8.50	8.00	Đạt	2

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
36	CB0044	Nguyễn Thị Thùy Dương	01-09-2000	Lâm Đồng	6.00	7.00	Đạt	2
37	CB0045	Nguyễn Công Đạt	10-11-2000	Nam Định	7.00	9.00	Đạt	3
38	CB0048	Hà Thị Thi Doan	20-07-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	8.33	Đạt	3
39	CB0049	Nguyễn Hữu Đồng	08-07-1999	Đắk Lắk	7.50	8.00	Đạt	3
40	CB0050	Chế Lê Minh Đức	20-03-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	8.67	Đạt	3
41	CB0051	Nguyễn Cao Minh Đức	06-01-2000	TP. Đà Nẵng	10.00	9.00	Đạt	3
42	CB0052	Hoàng Thị Kim Ánh Em	20-05-1985	TP. Đà Nẵng	8.00	5.67	Đạt	3
43	CB0053	Y Boi Êban	06-01-1997	Đắk Lắk	5.50	6.33	Đạt	3
44	CB0054	Trần Thị Giang	30-09-2001	Quảng Trị	6.00	6.67	Đạt	3
45	CB0055	Ngô Thị Thùy Giang	18-02-2001	Kon Tum	7.50	5.00	Đạt	3
46	CB0056	Dương Thị Thu Giang	05-05-2000	Đắk Lắk	5.00	6.00	Đạt	3
47	CB0057	Đỗ Hà Giang	14-02-2001	Bình Định	6.00	7.00	Đạt	3
48	CB0058	Nguyễn Thị Trà Giang	11-11-1999	Hà Tĩnh	6.00	6.67	Đạt	3
49	CB0059	Lê Thị Hồng Hà	27-05-2000	Đắk Lắk	6.00	7.33	Đạt	3
50	CB0061	Huỳnh Thị Thu Hà	30-06-2001	TP. Đà Nẵng	6.50	6.67	Đạt	3
51	CB0063	Lê Thị Hà	21-08-1995	Quảng Nam	9.00	8.33	Đạt	3
52	CB0064	Trịnh Thị Ngọc Hà	16-01-2000	Quảng Nam	5.00	6.33	Đạt	3
53	CB0065	Phạm Tấn Minh Hải	08-10-2000	TP. Đà Nẵng	7.50	7.33	Đạt	3
54	CB0066	Ngô Mỹ Hạnh	11-07-2001	Gia Lai	8.00	9.00	Đạt	3
55	CB0067	Hiên Thị Hào	22-04-2000	Quảng Nam	6.50	7.67	Đạt	4
56	CB0068	Huỳnh Thị Thanh Hằng	06-10-2000	Kon Tum	8.50	7.67	Đạt	4
57	CB0069	Đào Thị Thu Hằng	10-09-2001	Gia Lai	8.50	8.00	Đạt	4
58	CB0070	Hoàng Thị Lệ Hằng	24-11-2000	Quảng Trị	7.50	8.00	Đạt	4
59	CB0071	Cao Ngọc Hân	21-11-2000	Phú Yên	9.50	9.33	Đạt	4
60	CB0073	Trần Thị Hải Hậu	10-04-1999	TP. Đà Nẵng	8.50	8.00	Đạt	4
61	CB0074	Phạm Thị Thúy Hậu	08-08-1999	TP. Đà Nẵng	5.50	7.67	Đạt	4
62	CB0075	Hà Thu Hiền	19-02-2000	Quảng Nam	5.50	8.00	Đạt	4
63	CB0076	Ông Thị Diệu Hiền	23-05-2000	TP. Đà Nẵng	5.00	5.67	Đạt	4
64	CB0077	Nguyễn Thị Thu Hiền	02-07-2000	Quảng Trị	5.00	7.00	Đạt	4
65	CB0078	Vũ Thị Thu Hiền	24-02-2000	Ninh Thuận	9.00	8.33	Đạt	4
66	CB0079	Dương Minh Hiền	06-12-2001	Bình Định	8.50	8.67	Đạt	4
67	CB0081	Lê Nguyễn Diệu Hiền	21-11-1997	TP. Đà Nẵng	9.50	7.00	Đạt	4
68	CB0082	Nguyễn Thị Thu Hiền	17-12-2000	Kon Tum	8.00	8.00	Đạt	4
69	CB0084	Nguyễn Thị Thu Hiền	07-07-2000	Bình Định	6.00	6.67	Đạt	4
70	CB0085	Nguyễn Hữu Hiền	15-11-1998	TP. Đà Nẵng	9.50	9.00	Đạt	4
71	CB0086	Phạm Thị Xuân Hiệp	16-10-2000	Khánh Hòa	9.50	7.67	Đạt	4
72	CB0087	Nguyễn Thị Nhân Hiếu	11-01-2000	TP. Đà Nẵng	6.50	7.67	Đạt	4
73	CB0088	Bùi Xuân Hiếu	02-02-1999	Bình Định	5.50	8.33	Đạt	4
74	CB0090	Phạm Thị Mai Hiếu	22-09-2001	Kon Tum	6.50	7.33	Đạt	5
75	CB0091	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	7.67	Đạt	5
76	CB0092	Đinh Thị Hoa	12-05-2000	Quảng Nam	8.00	7.00	Đạt	5
77	CB0093	Nguyễn Thị Hoài	05-11-2000	Nghệ An	7.50	7.33	Đạt	5
78	CB0094	Phạm Khánh Hoàng	01-01-2002	TP. Đà Nẵng	6.00	7.67	Đạt	5

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
79	CB0095	Thái Thị Hồng	02-12-2001	Quảng Nam	7.00	8.67	Đạt	5
80	CB0096	Nguyễn Thị Minh Hồng	26-05-2000	Kon Tum	5.00	6.33	Đạt	5
81	CB0097	Nguyễn Thị Mai Huệ	20-09-2000	Quảng Nam	5.00	6.33	Đạt	5
82	CB0099	Nguyễn Quang Huy	23-04-1999	TP. Đà Nẵng	9.00	9.33	Đạt	5
83	CB0100	Nguyễn Thị Bảo Huyền	11-11-2000	Quảng Ngãi	6.00	7.00	Đạt	5
84	CB0101	Đoàn Thị Thanh Huyền	29-06-2000	Kon Tum	7.50	9.00	Đạt	5
85	CB0102	Cao Thị Thu Huyền	27-08-2000	Thừa Thiên - Huế	7.50	8.33	Đạt	5
86	CB0103	Trần Thị Huyền	05-06-2000	Thái Bình	6.00	7.33	Đạt	5
87	CB0104	Cao Thị Khánh Huyền	15-08-2000	Gia Lai	8.50	5.67	Đạt	5
88	CB0106	Trần Thị Như Huỳnh	24-05-2000	Quảng Nam	5.50	7.67	Đạt	5
89	CB0107	Phan Phúc Hưng	17-05-2000	Đắk Lắk	9.50	10.00	Đạt	5
90	CB0108	Đặng Văn Hưng	28-02-1999	Nghệ An	7.50	7.67	Đạt	5
91	CB0110	Nguyễn Thị Thu Hương	20-09-1999	Quảng Nam	6.00	6.00	Đạt	5
92	CB0111	Nguyễn Thị Thu Hương	11-05-1999	Thanh Hóa	7.50	8.67	Đạt	5
93	CB0112	H Rôn - Khuôn	08-09-2000	Đắk Lắk	6.00	6.67	Đạt	6
94	CB0113	Trịnh Tuấn Kiệt	20-03-1999	Đắk Lắk	8.00	9.00	Đạt	6
95	CB0115	Dương Thái Khang	15-08-2000	Gia Lai	8.50	9.33	Đạt	6
96	CB0116	Phạm Đức Khoa	24-01-1999	TP. Đà Nẵng	10.00	8.33	Đạt	6
97	CB0117	Nguyễn Lê Anh Khương	17-04-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	8.00	Đạt	6
98	CB0118	Trần Thị Đức Lai	30-11-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	7.00	Đạt	6
99	CB0120	Phạm Thị Hương Lan	20-05-2000	Quảng Nam	5.00	7.00	Đạt	6
100	CB0121	Hoàng Thị Lan	22-01-2000	Thanh Hóa	7.00	7.33	Đạt	6
101	CB0122	Phạm Đình Lâm	15-10-2000	Quảng Nam	7.00	8.00	Đạt	6
102	CB0123	Hồ Thị Lê	14-12-1999	Gia Lai	5.00	9.00	Đạt	6
103	CB0125	Huỳnh Thị Thanh Liêm	07-02-2000	Quảng Nam	6.00	6.67	Đạt	6
104	CB0126	Nguyễn Thị Liên	20-12-2000	TP. Đà Nẵng	7.50	7.00	Đạt	6
105	CB0128	Lê Đoàn Nhật Linh	10-05-1999	Bình Định	6.00	9.00	Đạt	6
106	CB0129	Nguyễn Thị Hoài Linh	10-02-2000	Quảng Nam	5.00	8.67	Đạt	6
107	CB0130	Phạm Mỹ Linh	11-01-2001	TP. Đà Nẵng	9.00	7.00	Đạt	6
108	CB0131	Trần Thị Hoài Linh	08-11-2000	Quảng Nam	8.00	7.67	Đạt	6
109	CB0132	Nguyễn Thùy Linh	22-07-2000	Bình Định	6.00	6.00	Đạt	6
110	CB0133	Cao Khánh Linh	14-07-2001	TP. Đà Nẵng	6.00	7.33	Đạt	6
111	CB0134	Đặng Văn Lĩnh	29-08-1999	TP. Đà Nẵng	6.50	8.33	Đạt	7
112	CB0135	Nguyễn Thúy Loan	09-04-2000	Thanh Hóa	7.00	8.00	Đạt	7
113	CB0138	Mai Thị Lợi	13-06-1999	Kon Tum	6.50	7.67	Đạt	7
114	CB0139	Nguyễn Thành Luân	16-08-2001	Bình Định	8.00	8.67	Đạt	7
115	CB0140	Nguyễn Tổ Lương	12-12-2000	Gia Lai	7.50	8.33	Đạt	7
116	CB0141	Nguyễn Thị Trúc Ly	12-07-2002	TP. Đà Nẵng	8.00	6.33	Đạt	7
117	CB0143	Đậu Thị Lý	21-10-2000	Nghệ An	6.50	6.00	Đạt	7
118	CB0147	Ngô Hoàng Mệnh	20-12-1998	Đắk Lắk	5.00	6.33	Đạt	7
119	CB0149	Lâm Phạm Thúy Mi	03-06-2000	Gia Lai	9.50	8.00	Đạt	7
120	CB0150	Thái Thị Miên	02-08-2000	Nghệ An	7.00	6.67	Đạt	7
121	CB0152	Hồ Thị Thu Mỹ	10-07-2000	Quảng Nam	5.00	8.00	Đạt	7

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
122	CB0153	Nguyễn Thị Mỹ	29-01-2000	Nghệ An	7.50	7.67	Đạt	7
123	CB0156	Nguyễn Thị Hồng Nga	20-06-2000	Gia Lai	9.00	8.67	Đạt	8
124	CB0157	Phạm Thị Thúy Nga	12-08-2001	Quảng Nam	9.00	7.33	Đạt	8
125	CB0158	Ngô Thị Thanh Nga	26-06-2001	TP. Đà Nẵng	9.00	9.00	Đạt	8
126	CB0159	Đinh Thị Thủy Nga	10-08-2000	Quảng Nam	9.00	10.00	Đạt	8
127	CB0160	Nguyễn Thị Ngân	23-08-2000	Hà Tĩnh	8.00	7.33	Đạt	8
128	CB0161	Lê Thị Kim Ngân	23-03-2001	Quảng Nam	7.00	9.00	Đạt	8
129	CB0162	Nguyễn Phạm Thu Ngân	27-05-2001	Quảng Ngãi	9.00	5.67	Đạt	8
130	CB0163	Nguyễn Thị Khánh Ngân	21-06-2001	Đắk Lắk	9.00	9.33	Đạt	8
131	CB0164	Hồ Nguyễn Phương Ngân	01-03-2000	Bình Định	5.50	6.67	Đạt	8
132	CB0165	Lê Thị Minh Ngân	29-05-2000	Quảng Nam	8.00	8.33	Đạt	8
133	CB0166	Nguyễn Thị Minh Ngân	04-12-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	7.67	Đạt	8
134	CB0167	Trần Thanh Ngân	23-03-2000	Lâm Đồng	6.00	8.00	Đạt	8
135	CB0168	Lê Minh Nghĩa	11-09-1999	Quảng Nam	5.00	6.67	Đạt	8
136	CB0169	Trần Thị Bích Ngọc	16-09-2001	Gia Lai	9.00	9.00	Đạt	8
137	CB0170	Huỳnh Thị Như Ngọc	26-10-2002	TP. Đà Nẵng	8.00	8.33	Đạt	8
138	CB0171	Phan Thị Khánh Ngọc	03-02-2000	Quảng Nam	7.00	8.00	Đạt	8
139	CB0172	Trần Nguyên Ngọc	29-05-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	6.67	Đạt	8
140	CB0174	Dương Thị Thảo Nguyên	07-04-2000	Quảng Nam	8.00	8.00	Đạt	8
141	CB0175	Đặng Thị Thảo Nguyên	28-08-2001	TP. Đà Nẵng	8.00	9.67	Đạt	8
142	CB0177	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	20-03-2000	Quảng Nam	8.00	7.33	Đạt	8
143	CB0178	Cáp Thị Nhạn	26-03-2000	Quảng Trị	8.00	7.33	Đạt	9
144	CB0179	Đặng Thị Yến Nhi	05-05-2000	Quảng Nam	9.00	9.33	Đạt	9
145	CB0180	Võ Thị Yến Nhi	20-09-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	7.00	Đạt	9
146	CB0181	Hoàng Thị Cẩm Nhi	06-08-2000	TP. Đà Nẵng	9.50	7.00	Đạt	9
147	CB0182	Nguyễn Thị Ý Nhi	28-02-2001	Quảng Bình	9.50	8.33	Đạt	9
148	CB0183	Nguyễn Thị Ý Nhi	11-10-2000	Kon Tum	9.00	8.33	Đạt	9
149	CB0184	Trần Khánh Nhi	11-12-2000	TP. Đà Nẵng	9.50	8.00	Đạt	9
150	CB0185	Nguyễn Lê Quỳnh Nhi	03-06-2001	TP. Đà Nẵng	7.50	7.67	Đạt	9
151	CB0186	Trương Thị Quỳnh Nhi	04-05-2001	TP. Đà Nẵng	8.50	9.33	Đạt	9
152	CB0187	Trần Thị Yến Nhi	15-06-2001	TP. Đà Nẵng	7.50	7.33	Đạt	9
153	CB0188	Ngô Thị Thu Nhi	27-06-2000	Quảng Nam	5.00	5.00	Đạt	9
154	CB0189	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	08-12-2001	Quảng Ngãi	5.00	8.33	Đạt	9
155	CB0192	Trần Thị Hồng Nhung	06-03-2001	Quảng Bình	9.00	8.33	Đạt	9
156	CB0193	Đỗ Thị Hồng Nhung	21-11-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	6.67	Đạt	9
157	CB0194	Lê Thị Thủy Nhung	07-01-2000	Quảng Trị	5.00	7.00	Đạt	9
158	CB0195	Trần Thị Quỳnh Như	20-01-2000	Kon Tum	9.50	7.67	Đạt	9
159	CB0196	Trần Châu Bảo Như	07-08-2000	Phú Yên	7.50	5.67	Đạt	9
160	CB0197	Lê Thị Quỳnh Như	24-11-2000	Kon Tum	8.00	6.33	Đạt	9
161	CB0198	Hồ Thị Quỳnh Như	07-10-2001	TP. Đà Nẵng	6.50	8.33	Đạt	9
162	CB0199	Nguyễn Thị Tú Oanh	25-02-2001	Kon Tum	9.00	6.33	Đạt	9
163	CB0200	Nguyễn Trần Hoài Oanh	03-02-2000	TP. Đà Nẵng	5.00	6.00	Đạt	10
164	CB0201	Châu Diễm Phúc	18-05-2001	Kon Tum	5.50	6.67	Đạt	10

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
165	CB0203	Dương Thị Hồng Phước	11-03-1999	Quảng Bình	8.00	8.00	Đạt	10
166	CB0204	Lê Thị Phương	13-11-2001	Nghệ An	6.50	7.00	Đạt	10
167	CB0205	Nguyễn Thị Minh Phương	14-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	7.33	Đạt	10
168	CB0206	Trần Thị Hoàng Phương	12-04-1998	Quảng Trị	5.00	6.33	Đạt	10
169	CB0207	Ngô Thị Minh Phương	11-08-1999	Hà Tĩnh	5.50	8.67	Đạt	10
170	CB0208	Vũ Thị Mai Phương	25-08-2000	Kon Tum	5.50	7.00	Đạt	10
171	CB0209	Lê Thị Ngọc Phương	17-01-2000	Quảng Nam	5.50	6.33	Đạt	10
172	CB0210	Đoàn Uyên Phương	25-03-2001	TP. Đà Nẵng	8.50	9.33	Đạt	10
173	CB0211	Phan Thị Thanh Phương	03-07-2001	TP. Đà Nẵng	5.50	7.33	Đạt	10
174	CB0212	Phan Thị Phương	21-04-2001	Hà Tĩnh	5.50	5.67	Đạt	10
175	CB0213	Phan Thị Hồng Phương	20-08-2000	Hà Tĩnh	5.50	8.00	Đạt	10
176	CB0214	Trần Thị Phương	25-02-2001	Quảng Nam	6.00	8.00	Đạt	10
177	CB0215	Nguyễn Đồng Xuân Quý	20-01-2001	Hừa Thiên - Hu	5.50	6.67	Đạt	10
178	CB0216	Nguyễn Thị Thúy Quyên	26-01-2001	Đắk Lắk	7.50	8.00	Đạt	10
179	CB0217	Thái Thị Bảo Quyên	10-11-1999	TP. Đà Nẵng	8.50	7.67	Đạt	10
180	CB0218	Nguyễn Thị Lệ Quyên	04-10-2000	Kon Tum	5.50	5.33	Đạt	10
181	CB0219	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	27-02-2000	Nghệ An	6.50	7.33	Đạt	10
182	CB0220	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	24-12-2000	Quảng Bình	6.00	8.67	Đạt	10
183	CB0221	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	16-08-2001	Quảng Trị	5.50	5.67	Đạt	10
184	CB0222	Trần Thị Diễm Quỳnh	12-07-2001	TP. Đà Nẵng	6.50	7.00	Đạt	10
185	CB0225	Ngô Văn Rôn	02-06-2000	Quảng Trị	5.00	8.00	Đạt	11
186	CB0226	Phoutsavath Silavongsa	05-02-1997	Lào	6.50	8.33	Đạt	11
187	CB0227	Manisak Sisavath	25-07-1999	Lào	8.50	8.33	Đạt	11
188	CB0228	Nguyễn Song Toàn	09-05-1997	Quảng Nam	10.00	9.00	Đạt	11
189	CB0229	Nguyễn Thanh Sơn	27-12-2003	Quảng Nam	9.50	9.33	Đạt	11
190	CB0230	Trần Thị Sương	27-04-2000	Quảng Bình	7.50	9.33	Đạt	11
191	CB0234	Trần Văn Tây	08-06-2000	Quảng Nam	6.50	6.00	Đạt	11
192	CB0235	Nguyễn Đồng Cẩm Tiên	09-11-2000	Quảng Nam	9.50	7.67	Đạt	11
193	CB0236	Dương Thị Kim Tiến	01-01-2000	Quảng Ngãi	5.00	6.00	Đạt	11
194	CB0237	Trần Thị Tinh	24-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.50	7.33	Đạt	11
195	CB0238	Dương Xuân Toại	22-02-1998	Nghệ An	7.00	9.00	Đạt	11
196	CB0240	Nguyễn Anh Tú	13-04-2000	Quảng Nam	5.00	8.00	Đạt	11
197	CB0241	Nguyễn Thị Ngọc Tú	01-08-2001	TP. Đà Nẵng	8.00	6.67	Đạt	11
198	CB0242	Tạ Thị Thanh Tuyền	24-09-2001	Quảng Ngãi	10.00	9.33	Đạt	11
199	CB0243	Trần Thị Ánh Tuyết	27-07-2000	Quảng Trị	7.00	6.00	Đạt	11
200	CB0245	Y Tỷ	08-07-1999	Kon Tum	7.00	6.33	Đạt	12
201	CB0246	Lê Hữu Bảo Thạch	18-04-2000	Quảng Nam	7.50	7.00	Đạt	12
202	CB0247	Lê Huyền Thanh	01-02-2002	TP. Đà Nẵng	5.00	5.67	Đạt	12
203	CB0248	Bùi Hữu Thành	09-08-1994	Quảng Ngãi	9.50	9.33	Đạt	12
204	CB0250	Nguyễn Thị Thu Thảo	01-01-1999	Hừa Thiên - Hu	8.00	7.33	Đạt	12
205	CB0251	Nguyễn Trần Anh Thảo	18-03-2000	TP. Đà Nẵng	9.50	8.67	Đạt	12
206	CB0252	Nguyễn Thị Thu Thảo	16-03-2000	Quảng Ngãi	7.50	6.33	Đạt	12
207	CB0254	Trần Thị Thảo	27-12-2001	TP. Đà Nẵng	8.00	9.33	Đạt	12

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
208	CB0255	Trương Ngân Thảo	12-04-2000	Hừa Thiên - Huế	7.50	8.00	Đạt	12
209	CB0256	Lê Thị Phương Thảo	24-08-2000	Kon Tum	7.50	6.67	Đạt	12
210	CB0258	Nguyễn Bích Thảo	06-02-1999	Gia Lai	7.00	6.33	Đạt	12
211	CB0259	Trần Thị Thảo	09-10-2000	Quảng Nam	9.50	8.67	Đạt	12
212	CB0260	Trần Thị Phương Thảo	12-09-2001	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	12
213	CB0265	Văn Thị Xuân Thảo	26-01-2001	TP. Đà Nẵng	9.50	7.00	Đạt	12
214	CB0267	Trần Thị Thi	06-08-2000	TP. Đà Nẵng	5.00	6.67	Đạt	13
215	CB0268	Lê Thị Thìn	16-06-2000	Quảng Nam	10.00	6.33	Đạt	13
216	CB0269	Nguyễn Thị Phước Thịnh	03-06-2001	TP. Đà Nẵng	9.00	8.67	Đạt	13
217	CB0271	Nguyễn Thị Thu Thủy	21-04-2000	Đắk Lắk	10.00	7.67	Đạt	13
218	CB0272	Lê Phú Ngọc Thùy	19-12-2000	Kon Tum	5.00	5.00	Đạt	13
219	CB0273	Đinh Thị Dương Thùy	12-12-2001	Quảng Bình	5.00	8.00	Đạt	13
220	CB0274	Võ Thị Thu Thủy	10-03-2000	Quảng Nam	9.00	7.33	Đạt	13
221	CB0275	Đặng Thị Thu Thủy	01-03-2000	Thái Bình	6.50	7.67	Đạt	13
222	CB0276	Hoàng Thị Thủy	11-08-2001	Gia Lai	7.50	8.33	Đạt	13
223	CB0278	Phạm Thị Minh Thư	04-10-2001	Đắk Lắk	10.00	8.67	Đạt	13
224	CB0279	Trần Trịnh Thanh Thư	27-07-2000	Gia Lai	9.00	8.00	Đạt	13
225	CB0280	Đỗ Quỳnh Anh Thư	03-06-2000	TP. Đà Nẵng	7.50	8.33	Đạt	13
226	CB0281	Trần Thị Ngân Thư	09-10-2001	Quảng Nam	9.50	8.33	Đạt	13
227	CB0282	Nguyễn Vũ Anh Thư	02-05-2000	TP. Đà Nẵng	6.50	6.00	Đạt	13
228	CB0286	Hồ Thị Hoài Thương	26-04-2000	Quảng Nam	8.00	7.00	Đạt	13
229	CB0289	Phan Thị Huyền Trang	02-10-2000	Quảng Nam	10.00	8.00	Đạt	14
230	CB0290	Trần Thị Thùy Trang	25-02-2000	Quảng Nam	7.00	7.67	Đạt	14
231	CB0292	Lê Thị Thu Trang	22-01-2001	Hà Tĩnh	10.00	8.33	Đạt	14
232	CB0293	Đỗ Thanh Trang	10-07-2000	TP. Đà Nẵng	9.50	6.67	Đạt	14
233	CB0294	Trần Thị Thảo Trang	05-02-2000	Lâm Đồng	9.50	9.00	Đạt	14
234	CB0295	Trần Thị Bích Trâm	12-07-2000	TP. Đà Nẵng	10.00	9.00	Đạt	14
235	CB0296	Đàm Thoại Huyền Trân	03-05-2001	TP. Đà Nẵng	10.00	9.33	Đạt	14
236	CB0297	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	18-10-2000	TP. Đà Nẵng	5.00	5.00	Đạt	14
237	CB0298	Ngô Văn Trí	03-04-2001	TP. Đà Nẵng	9.50	8.67	Đạt	14
238	CB0299	Nguyễn Thị Trinh	20-05-2001	Kon Tum	9.00	8.00	Đạt	14
239	CB0300	Phan Nguyễn Kiều Trinh	11-11-2000	Quảng Nam	10.00	7.67	Đạt	14
240	CB0301	Phạm Thị Nhã Trúc	28-10-2000	Gia Lai	10.00	9.00	Đạt	14
241	CB0302	Trương Văn Trung	16-04-1999	TP. Đà Nẵng	9.00	8.33	Đạt	14
242	CB0303	Nguyễn Bảo Trung	09-06-2000	Quảng Bình	10.00	10.00	Đạt	14
243	CB0304	Trần Thị Thu Uyên	28-09-1999	Thanh Hóa	9.00	5.67	Đạt	14
244	CB0305	Phan Chi Uyên	22-06-1985	TP. Đà Nẵng	10.00	8.67	Đạt	14
245	CB0306	Phạm Tú Uyên	13-07-2000	Gia Lai	10.00	7.67	Đạt	14
246	CB0307	Trần Tố Uyên	12-10-2001	Hà Tĩnh	10.00	8.67	Đạt	14
247	CB0308	Ngô Thu Uyên	24-10-2001	TP. Đà Nẵng	10.00	9.00	Đạt	14
248	CB0309	Huỳnh Thị Thu Uyên	24-09-2000	Quảng Nam	9.00	8.67	Đạt	14
249	CB0310	Ngô Hồng Uyên	22-08-2001	TP. Đà Nẵng	10.00	8.00	Đạt	14
250	CB0311	Trần Tú Uyên	23-11-2000	Quảng Nam	9.00	8.33	Đạt	15

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thực hành	Điểm thi trắc nghiệm	Kết quả	Phòng thi
251	CB0312	Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên	09-01-2000	TP. Đà Nẵng	7.50	6.67	Đạt	15
252	CB0313	Nguyễn Tấn Văn	02-01-2000	Quảng Nam	8.50	6.33	Đạt	15
253	CB0315	Bùi Ngọc Cẩm Vân	07-10-2001	TP. Đà Nẵng	10.00	9.33	Đạt	15
254	CB0316	Zorâm Thị Vân	04-10-2000	Quảng Nam	10.00	7.33	Đạt	15
255	CB0317	Dương Thị Thanh Vân	05-12-1999	TP. Đà Nẵng	9.00	7.67	Đạt	15
256	CB0318	Tạ Thị Vân	22-02-2000	Đắk Nông	7.00	8.00	Đạt	15
257	CB0319	Trần Hà Lê Vi	23-06-2000	TP. Đà Nẵng	10.00	9.33	Đạt	15
258	CB0320	Trần Thu Vi	01-07-2000	Đắk Lắk	10.00	6.67	Đạt	15
259	CB0321	Lê Thị Cẩm Vi	20-02-2000	TP. Đà Nẵng	9.50	8.00	Đạt	15
260	CB0322	Phan Văn Viên	23-01-2000	Quảng Nam	9.00	8.67	Đạt	15
261	CB0323	Bùi Nhật Vy	18-06-2000	Quảng Ngãi	8.00	6.00	Đạt	15
262	CB0324	Nguyễn Thị Nhật Vy	01-05-1999	Quảng Trị	8.50	7.67	Đạt	15
263	CB0325	Bùi Thị Hồng Vy	01-08-2001	Quảng Ngãi	10.00	9.00	Đạt	15
264	CB0326	Nguyễn Hoàng Ái Vy	08-01-2001	TP. Đà Nẵng	7.50	7.33	Đạt	15
265	CB0327	Võ Thị Huyền Vy	21-11-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	7.33	Đạt	15
266	CB0328	Hoàng Thị Thanh Xuân	23-02-2000	Ninh Thuận	10.00	6.67	Đạt	15
267	CB0329	Bùi Thị Xuyên	12-07-2000	Nghệ An	9.00	6.67	Đạt	15
268	CB0330	Võ Hà Đức Ý	02-01-2000	Đắk Nông	10.00	9.33	Đạt	15
269	CB0332	Lê Thị Hải Yến	12-06-2000	Gia Lai	10.00	7.33	Đạt	15

Ấn định danh sách này có **269** (hai trăm sáu mươi chín) thí sinh.

GIÁM ĐỐC



TS. Đặng Hùng Vĩ



